

Số: /BC-BNN-CBTTNS

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất, tiêu thụ nông sản những tháng đầu năm 2021; Đánh giá tác động của diễn biến dịch bệnh Covid-19 tới tiêu thụ, xuất khẩu nông sản trong thời gian tới và kiến nghị giải pháp

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Trong những tháng đầu năm 2021, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, lan rộng, bùng phát tăng nhanh toàn cầu với những biến chủng mới và tác động, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế nhiều nước, đối tác lớn của Việt Nam. Tính đến ngày 18/5/2021, Covid-19 đã lan ra 219 quốc gia và vùng lãnh thổ, tổng số người nhiễm là 164,2 triệu người, tổng số người tử vong lên đến trên 3,4 triệu người. Ở trong nước, dịch Covid-19 bắt đầu đợt lây nhiễm cộng đồng thứ 4 với diễn biến nhanh chóng đã và đang tác động nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Trong các hoạt động kinh tế, các hoạt động xuất, nhập khẩu, lưu thông, vận chuyển hàng hóa, một số ngành, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ trong đó có lĩnh vực nông nghiệp đã bị ảnh hưởng nặng nề, nhất là đối tượng doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp vừa và nhỏ và quy mô kinh tế hộ. Đối với lĩnh vực xuất khẩu nông sản, một số doanh nghiệp đã chịu ảnh hưởng đến đơn hàng, thiếu hụt lao động, ảnh hưởng về dịch vụ hậu cần thương mại (logistics); các thị trường quốc tế đã xảy ra tình trạng thiếu nguồn hàng cung ứng, thiếu container rỗng, ứ đọng cục bộ vận tải do đường hàng không, đường thủy bị thu hẹp, thiếu hụt lao động, gây tác động tổn thương đến thương mại nông sản trên thị trường quốc tế.

Bám sát chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4, nhằm đảm bảo các mục tiêu được giao, trước tình hình tiêu thụ các sản phẩm nông sản đang vào mùa vụ cao điểm thu hoạch của nhiều địa phương, ngày 14/5/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phối hợp các bộ, ban ngành trung ương, các địa phương, hiệp hội ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc thúc đẩy tiêu thụ nông sản trong điều kiện dịch Covid-19 với mục tiêu bàn các giải pháp trước mắt và lâu dài ứng phó kịp thời trước các tác động của dịch Covid-19. Qua báo cáo của các địa phương, nhận định diễn biến tình hình, Bộ Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ một số nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. Trồng trọt

- *Lúa*: 4 tháng đầu năm, cả nước tập trung gieo trồng, chăm sóc lúa Đông Xuân, đồng thời thu hoạch lúa Mùa, lúa Đông Xuân sớm và gieo cấy vụ Hè Thu tại các tỉnh phía Nam. Đến giữa tháng 4, cả nước gieo cấy đạt 3.302,3 nghìn ha, giảm 24 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước (CKNT). Trong đó, các địa phương

phía Bắc đã gieo cấy được 1.083,8 nghìn ha, giảm khoảng 10 nghìn ha; các địa phương phía Nam đã gieo cấy được 2.218,5 nghìn ha, giảm khoảng 14 nghìn ha. Diện tích lúa được thu hoạch cả nước ước đạt 1.712,1 nghìn ha, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước; năng suất bình quân ước đạt gần 69,7 tạ/ha, tăng khoảng 2,9 tạ/ha; sản lượng đạt 11.938,7 nghìn tấn, giảm 0,7%.

- *Rau, màu*: Các địa phương đã gieo trồng được 382,0 nghìn ha ngô, tăng 1,8% cùng kỳ năm trước; 59,7 nghìn ha khoai lang, giảm 4,9%; 14,1 nghìn ha đậu tương, giảm 9,6%; 115,5 nghìn ha lạc, giảm 3,0%; 596,8 nghìn ha rau đậu, tăng 3,0%. Nhìn chung, các cây màu được gieo trồng đúng thời vụ, sinh trưởng và phát triển tốt.

2. Chăn nuôi

Những tháng đầu năm, dịch bệnh trên vật nuôi phức tạp nhưng toàn ngành đã phối hợp tốt với các địa phương thực hiện nghiêm các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh trên vật nuôi. Nhờ vậy, đàn gia súc, gia cầm được phục hồi và phát triển ổn định. Cụ thể như sau: Đàn trâu giảm khoảng 2,4% so với cùng thời điểm năm 2020; đàn bò tăng khoảng 1,0%; đàn lợn tăng 11,1%; đàn gia cầm tăng 8,3%.

Tính đến ngày 23/4, cả nước không có ổ dịch tai xanh trên lợn; có 10 ổ dịch cúm gia cầm A/H5N6 tại 06 tỉnh (*Hà Nội, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Nam*); 16 ổ dịch LMLM tại 07 tỉnh (*Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Trị, Đắk Lắk, Phú Yên, Quảng Ngãi*); có 271 ổ dịch tả lợn Châu Phi tại 22 tỉnh, thành phố và có 314 ổ dịch viêm da nổi cục tại 17 tỉnh, thành phố.

3. Lâm nghiệp

Tháng 4, diện tích trồng rừng mới tập trung ước đạt 33,1 nghìn ha, tăng 26,1% so với CKNT. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.278,9 nghìn m³ gỗ, tăng 15,6% so cùng kỳ. Lũy kế 4 tháng, diện tích trồng rừng mới tập trung ước đạt 60,2 nghìn ha, tăng 12,8% so với CKNT. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 4.159,9 nghìn m³ gỗ, tăng 4,9%.

4. Thủy sản

Tháng 4, sản lượng thủy sản ước đạt 687,2 nghìn tấn, tăng 2,1% so tháng 4/2020. Lũy kế 4 tháng, tổng sản lượng ước đạt 2.484,9 nghìn tấn, tăng 2,1% so với CKNT. Cụ thể:

- *Khai thác*: Tháng 4, sản lượng khai thác đạt 357,7 nghìn tấn, tăng 2,2%. Tính chung 4 tháng, sản lượng đạt 1.215,1 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ; trong đó, khai thác biển đạt 1.160 nghìn tấn, tăng 1,5%.

- *Nuôi trồng*: Tháng 4, sản lượng nuôi trồng ước đạt 329,6 nghìn tấn, tăng 1,9% so với tháng 4/2020. Lũy kế 4 tháng, sản lượng ước đạt 1.269,9 nghìn tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá tra ước đạt 385,8 nghìn tấn, tăng 1,6%; sản lượng tôm đạt 158,7 nghìn tấn, tăng 4,3% (tôm sú ước đạt 62,5 nghìn tấn, tăng 1,2%; tôm thẻ chân trắng ước đạt 96,2 nghìn tấn, tăng 6,5%).

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ, XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Gạo: Dự kiến sản lượng năm 2021 đạt 43,3 - 43,5 triệu tấn thóc (tương đương 26 triệu tấn gạo), đảm bảo nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

a) Tình hình xuất khẩu: Trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gạo ước đạt 1,9 triệu tấn, kim ngạch 1,01 tỷ USD, giảm 10,8% khối lượng nhưng tăng 1,2% về giá trị nhờ giá xuất khẩu bình quân 534 USD/tấn, tăng 13,4% so cùng kỳ 2020.

Trong Quý I/2021, Philippin là thị trường lớn nhất với thị phần 37,4% (đạt 411,58 nghìn tấn, trị giá 219,96 triệu USD, giảm 30,7% về lượng và giảm 14,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020). Xuất khẩu sang thị trường Ghana giảm 11,7%, Malaysia giảm 54,7%, Singapore giảm 37,7%, Hàn Quốc giảm 34,9%, Papua New Guinea giảm 66,9%... so với cùng kỳ năm 2020. Ở chiều ngược lại, tại thị trường Trung Quốc đạt 256,52 nghìn tấn, trị giá 136,17 triệu USD, tăng mạnh 58,3% về lượng và 49,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu là nếp (88,6%). Bên cạnh đó, lượng gạo xuất khẩu sang thị trường Bờ Biển Ngà tăng 121,1%, Cuba tăng 127,5%, Ả Rập Xê út tăng 112%.

b) Dự báo: trong thời gian tới, xuất khẩu gạo sẽ tiếp tục tăng do:

- Tình hình thị trường thế giới: Ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm nhu cầu lương thực, thực phẩm tại nhiều quốc gia và các thị trường lớn như Philippin, Trung Quốc, Ghana, Papua New Guinea... nhu cầu tăng mạnh; các thị trường xuất khẩu chính đã ký hợp đồng mua gạo Việt Nam; Điều kiện thời tiết không thuận lợi, hạn hán, lũ lụt... dẫn đến sản lượng lương thực giảm ở nhiều nước (Bangladesh, ...); Giá gạo giảm từ đầu tháng 4/2021 đến nay cũng làm tăng nhu cầu mua vào của khách quốc tế; Một số nước xuất khẩu lớn gặp khó khăn: Ấn Độ do số ca nhiễm Covid-19 tăng mạnh đã tác động lên logistics, từ xây xát tới vận chuyển gạo ra cảng; Thái Lan: xuất khẩu gạo liên tục giảm mạnh những năm gần đây do giá cao, đồng Baht tăng giá, thiếu container.

- Lợi thế của Việt Nam: kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 và có nguồn cung gạo ổn định, chủng loại phong phú, đáp ứng yêu cầu nhiều thị trường; Năm 2020, Việt Nam đã mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu thông qua các Hiệp định như EVFTA, EEC, UKFTA. Với mức thuế ưu đãi tại các Hiệp định trên, gạo Việt Nam có lợi thế cạnh tranh và cơ hội tăng trưởng tại thị trường EU, Anh và các nước thuộc Liên minh Á - Âu

c) Một số khó khăn:

- Hạn chế trong sản xuất, chế biến: (i) Sản xuất thiếu tính bền vững, nhiều rủi ro do biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn; Quy mô sản xuất nhỏ, cơ giới hóa khó khăn; (ii) Mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân nhiều nơi chưa bền vững, hợp đồng liên kết hạn chế; (iii) Cơ sở hạ tầng, công nghệ bảo quản, chế biến thiếu; chế biến sâu và chế biến sản phẩm phụ để nâng cao giá trị gia tăng còn hạn chế.

- Xuất khẩu gạo của Việt Nam bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: tình hình diễn biến cung, cầu thế giới; sự thay đổi chính sách của thị trường nhập khẩu; sự cạnh tranh của các đối thủ như Ấn Độ, Thái Lan, Campuchia, Pakixtan, ...

- Tác động của dịch Covid-19: Ảnh hưởng của dịch dẫn đến đứt gãy chuỗi

cung ứng, thiếu container rỗng và giá cước vận chuyển tăng phi mã.

2. Sản phẩm rau quả

a) Tình hình xuất khẩu: 4 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu rau quả ước đạt 1,3 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ 2020. Xuất khẩu rau quả chủ lực như thanh long, xoài, chuối, dưa hấu, mít, ớt, cà rốt, tỏi ... tăng trưởng khả quan. Xuất siêu gần 1 tỷ USD.

Rau củ: so với cùng kỳ 2020, xuất khẩu rau củ Quý I/2021 đạt 121 triệu USD, giảm 14,9%, chiếm 12,6% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả. Trong đó, ớt được xuất khẩu nhiều nhất 27,1 triệu USD, tăng 14,5%, tỷ trọng 22,4% tổng xuất khẩu rau củ; cà rốt 12,6 triệu USD, tăng 29,8%, tỷ trọng 10,4%; bắp cải 4,3 triệu USD, tăng 408,9%, tỷ trọng 3,5%. Chiều ngược lại, xuất khẩu khoai lang giảm 38,8%, nấm giảm 34,2%.

b) Dự báo tình hình tiêu thụ: Tiêu thụ vải cũng như một số loại trái cây vụ hè khác như dưa hấu, xoài, thanh long, chôm chôm, nhãn... năm nay sẽ chịu áp lực do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp cả ở trong nước và các nước lân cận như Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia. Sản lượng vải tại Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên ước đạt 250 nghìn tấn, thu hoạch tập trung từ giữa tháng 5 đến 20/7/2021. Xuất khẩu chiếm khoảng 50%, chủ yếu xuất quả tươi sang thị trường Trung Quốc.

c) Một số khó khăn: (i) Sản phẩm rau quả mang tính chất mùa vụ và tiêu thụ chủ yếu dưới dạng tươi. Do đó, trong một khoảng thời gian, không gian, lượng sản phẩm cần tiêu thụ rất lớn gây áp lực lên thị trường, dẫn đến đôi lúc tại một số địa phương có hiện tượng ùn ứ cục bộ; (ii) Dịch Covid-19 với nhiều đợt bùng phát, diễn biến phức tạp trong và ngoài nước đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt như: giá giảm, vận chuyển tiêu thụ nội địa và xuất khẩu bị hạn chế dẫn đến hàng bị ùn lại.

3. Các sản phẩm chăn nuôi

a) Tình hình xuất khẩu: Trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi ước đạt 125 triệu USD, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa ước đạt 34 triệu USD, tăng 27,8%.

b) Một số khó khăn, vướng mắc:

- Khó khăn về mặt sản xuất: Giá thức ăn chăn nuôi (TACN) tăng liên tục trong thời gian qua (giá Quý I/2021 so với cùng kỳ 2020 tăng 11,3% đối với thức ăn hỗn hợp (TAHH) cho lợn thịt, tăng 11,2% đối với TAHH cho gà thịt lông màu, tăng 7,5% đối với TAHH gà thịt lông trắng) và chưa có chiều hướng giảm ngay trong Quý II/2021 do giá các nguyên liệu chính của TACN trên thế giới hiện vẫn trong tình trạng sản lượng không tăng kịp so với nhu cầu. Giá TACN tăng về lâu dài sẽ dẫn tới giá thực phẩm tăng, ảnh hưởng trực tiếp tới chỉ số lạm phát và sức tiêu thụ của thị trường.

- Sức tiêu thụ giảm: do ảnh hưởng của thời tiết (vào mùa nóng lượng tiêu thụ thịt giảm) và dịch Covid-19 (cách ly, đóng cửa các chợ cóc, trường học, bếp ăn tập thể ...) khiến cho lượng tiêu thụ các mặt hàng thịt giảm.

- Rủi ro về mặt logistic: Đợt dịch Covid-19 lần 4 có biến thể nguy hiểm với

nguy cơ lây nhiễm cao, đã có một số địa phương phải cách ly nên việc vận chuyển thực phẩm ra vào vùng dịch cần đảm bảo thông suốt.

- Rủi ro đối với thị trường xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi không cao do: (i) Tỷ trọng sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu so với tiêu thụ tại thị trường nội địa rất nhỏ; (ii) Sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu hầu hết đều tăng trưởng tốt ở các thị trường chính. Riêng đối với sản phẩm mật ong xuất khẩu, rủi ro từ việc Hoa Kỳ có thể điều tra áp thuế chống bán phá giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kim ngạch xuất khẩu mật hàng này; (iii) Tỷ giá USD/VND liên tục giảm thời gian qua cũng gây sức ép nhất định lên giá xuất khẩu các mặt hàng nông sản nói chung và sản phẩm chăn nuôi nói riêng.

4. Các sản phẩm thủy sản

a) Tình hình xuất khẩu: Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 601,6 nghìn tấn với trị giá 2,386 tỷ USD, tăng 7,14% về lượng và tăng 6,06% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Xuất khẩu tôm đạt 106,3 nghìn tấn với trị giá 944,38 triệu USD, tăng 8,03% về lượng và tăng 9,74% về trị giá; Xuất khẩu cá tra đạt 252,4 nghìn tấn với trị giá 495,6 triệu USD, tăng 11,5% về lượng và 10,5% về trị giá; Xuất khẩu cá ngừ đạt 49,4 nghìn tấn với trị giá 220,4 triệu USD, tăng 23,7% về lượng và tăng 13,16% về trị giá.

b) Dự báo xuất khẩu thủy sản trong thời gian tới: Dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2020 ở mức từ 6% đến 10%/tháng trong quý II/2021.

Cụ thể các sản phẩm: (i) *Tôm:* Cơ hội xuất khẩu tôm sẽ tăng mạnh trong thời gian tới nếu Việt Nam tiếp tục kiểm soát tốt dịch Covid – 19. Các đối thủ cạnh tranh là Ấn Độ, Thái Lan đang chịu tác động xấu từ dịch Covid – 19 sẽ khiến cho nguồn cung và khả năng xuất khẩu bị ảnh hưởng trong thời gian tới; (ii) *Cá tra:* Nguồn cung cá tra đang dần ổn định và tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu cá tra tăng tốc trong quý II và quý III/2021; (iii) *Cá ngừ:* Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu cá ngừ tới EU trong thời gian tới do đây là thị trường có nhu cầu cao và nhiều lợi thế từ EVFTA.

c) Một số khó khăn vướng mắc: (i) *Tôm:* Chi phí đầu vào: giống, thức ăn, chế phẩm tăng dẫn đến giá thành sản phẩm cao, làm giảm lợi nhuận và khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế; (ii) *Cá tra:* Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp khiến giá xuất khẩu cá tra liên tục giảm sút đồng thời chất lượng sản phẩm cũng đi xuống làm ảnh hưởng đến uy tín của sản phẩm cá tra; (iii) *Hải sản:* Tồn thất sau thu hoạch còn cao, nguồn lợi suy giảm nghiêm trọng dẫn đến các doanh nghiệp phải gia tăng nhập khẩu để gia công chế biến.

III. ĐÁNH GIÁ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG

1. Tác động của Covid 19 đến tình hình xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang một số thị trường trọng điểm

a) Bối cảnh chung

Với sự quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp, xuất khẩu nông sản năm 2020 đạt 41,2 tỷ USD tăng 2,6% so với năm 2019 tạo đà cho thị trường năm 2021. Tổng giá trị xuất

khẩu 4 tháng đầu năm 2021 đạt 17,15 tỷ USD, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2020. Nếu tính theo từng thị trường, tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 4 tháng đầu năm 2021 của Việt Nam tới các thị trường thuộc khu vực châu Á ước tăng 18,2%, đạt 8,05 tỷ USD; châu Mỹ tăng 56,7%, đạt 4,73 tỷ USD; châu Phi tăng 11,8%, đạt 249 triệu USD; châu Đại Dương tăng 29,2%, đạt 239 triệu USD; xuất khẩu sang châu Âu xấp xỉ bằng với cùng kỳ năm 2020, đạt 1,72 tỷ USD.

b) Hoạt động xuất khẩu tại các thị trường

(1) Thị trường nông sản của Trung Quốc

Hiện phía Trung Quốc đang kiểm soát tốt dịch bệnh do đó thị trường nông sản sẽ hoạt động phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng và Trung Quốc vẫn là thị trường lớn trong xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 4 tháng đầu năm 2021 kim ngạch xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản giữa Việt Nam và Trung Quốc đã có chuyển biến tích cực đạt hơn 5,5 tỷ USD tăng 27,8% so cùng kỳ năm 2020. Trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 4,023 tỷ USD tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2020, phần lớn các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đều tăng.

Qua các đợt dịch tại Việt Nam, các địa phương đã chủ động và có các sáng kiến để vừa thúc đẩy tiêu thụ nông sản qua các cửa khẩu vừa đảm bảo phòng, tránh dịch bệnh COVID-19 như: thành lập đội lái xe trung chuyển chuyên biệt để thông quan nông sản, hàng hóa tại cửa khẩu; tích cực trao đổi, hội đàm với phía Trung Quốc để nói rộng thời gian thông quan; khuyến cáo doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng nắm tình hình và giãn đưa hàng về cửa khẩu, tăng lượng hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu đường sắt. Các tỉnh biên giới trọng điểm như Lạng Sơn, Quảng Ninh đã lấy lại đà tăng trưởng trong xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

Hiện nay, đợt dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4 tại Việt Nam lan rộng trên 26 địa phương, các địa phương có dịch đều chung một đặc điểm là có nhiều đường giao thông huyết mạch chạy qua, án ngữ những con đường vận tải hàng hóa quan trọng, nối liền các trung tâm kinh tế, thương mại của miền Bắc. Đó là Quốc lộ 1A nối Hà Nội – Bắc Ninh – Lạng Sơn, đường cao tốc nối sân bay quốc tế Nội Bài – Bắc Ninh – Hạ Long; Quốc Lộ 2 và cao tốc Nội Bài Lào Cai; Quốc lộ 10 nối Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình. Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm nông sản đang vào mùa vụ thu hoạch và Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chính (như vải, nhãn, thanh long...) có nguy cơ gây áp lực lưu thông hàng hóa đưa lên các tỉnh biên giới xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc trong thời gian tới.

(2) Thị trường nông sản của EU và Hoa Kỳ

(i) Theo cập nhật của Cơ quan Thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat), GDP đã giảm 0,6% trên toàn Khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) và giảm 0,4% trên toàn Liên minh châu Âu (EU) trong Quý I/2021, theo đó chính thức rơi vào suy thoái hai quý liên tiếp. Trước diễn biến và hậu quả phức tạp của dịch bệnh Covid-19, cả 27 quốc gia thành viên EU đã đồng ý thành lập một quỹ hỗ trợ phục hồi kinh tế hậu đại dịch trị giá 750 tỷ Euro (888 tỷ USD) để tái thiết các nền kinh tế EU bị tác động nặng nề bởi khủng hoảng COVID-19.

(ii) Về thương mại nông sản EU-Việt Nam, trong 3 tháng đầu năm 2021, Việt Nam đã xuất khẩu 937,1 triệu USD sang EU (giảm 3,7%). Các mặt hàng nông sản chính xuất khẩu sang EU (cà phê, rau quả, hạt điều) có xu hướng giảm với tốc độ lần lượt là -24,2%, -4,1%, và -21,2%. Tình hình Covid 19 vẫn diễn biến phức tạp, tình trạng khan hiếm container vẫn tiếp tục diễn ra ở các tuyến vận tải biển từ châu Á sang Hoa Kỳ và EU trong khi đó vận tải bằng đường không có chi phí quá lớn đối với biên độ lợi nhuận của hàng nông sản nói chung.

(iii) Tại Hoa Kỳ, tính 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sang Mỹ đạt 4,3 tỷ USD, tăng 58% so với cùng kỳ năm trước. Trong thời gian tới, xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản sang Mỹ sẽ gặp khó khăn, bên cạnh tình trạng khan hiếm container, còn do cước vận chuyển từ Châu Á sang Mỹ vẫn không ngừng tăng lên (theo thống kê của Freightos Baltic, tuyến từ châu Á đến Bờ Tây nước Mỹ ở mức hơn 4.000 USD/ container 40 feet) và giá cước vận chuyển từ châu Á đến Bờ Đông nước Mỹ ở mức hơn 6.000 USD/ container 40 feet). Đây là mức cước phí cao nhất từ trước đến nay.

(3) Thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc

Với những nỗ lực chống dịch bao gồm các biện pháp đảm bảo lưu thông hàng hóa, nâng cao các biện pháp an toàn cho công dân di chuyển, tình hình xuất khẩu nông sản từ Việt Nam sang thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc trong Quý I/2021 tăng trưởng tốt với mức tăng 5,9% và 7,2%. Các chuyên gia dự đoán Nhật Bản và Hàn Quốc về cơ bản sẽ không chế được dịch bệnh trong Quý II/2021 nhờ nguồn cung vacxin dồi dào (Hàn Quốc đã bắt đầu hợp đồng xuất khẩu vacxin Rekirona từ ngày 10/5/2021) và các biện pháp quản lý hiệu quả hơn của Chính phủ. Do vậy thị trường xuất khẩu nông sản sang Nhật Bản và Hàn Quốc được dự báo tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng ổn định.

2. Một số khó khăn, nút thắt cần giải quyết

Sang năm 2021, những tác động của dịch bệnh Covid-19 có nhiều điểm khác so với năm 2020 do các nước trên thế giới đồng loạt áp dụng các biện pháp phong tỏa làm ảnh hưởng đến nguồn cung trên thị trường toàn cầu, đối tượng bị ảnh hưởng trong xã hội cũng thay đổi và thu hẹp tập trung vào các ngành du lịch, dịch vụ, vận tải, thị trường trong nước đã dần hồi phục, sản xuất nông nghiệp vẫn được duy trì tốt nhưng thị trường thế giới còn rất nhiều khó khăn, nhu cầu thị trường có suy giảm và thói quen tiêu dùng có những chuyển hướng nhất định. Một số khó khăn, nút thắt cần tiếp tục được giải quyết:

- *Nút thắt về vốn tín dụng:* Các gói tín dụng hiện nay tuy có lãi suất thấp nhưng cần đảm bảo mọi doanh nghiệp tiếp cận được dễ dàng, nhất là đối tượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, HTX nông nghiệp để có khả năng phục hồi sản xuất nhanh và xuất khẩu ngay vào các thị trường khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát và suy giảm.

- *Áp lực chi phí sản xuất, thuế, phí:* Do thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng, hoạt động kinh doanh đứt đoạn, lợi nhuận các doanh nghiệp suy giảm trong thời kỳ dịch bệnh và thương mại gián đoạn; do đó áp lực chi phí, phí, thuế với doanh nghiệp rất lớn. Bên cạnh đó, khi đơn hàng xuất khẩu giảm dần dẫn đến áp lực

ngày càng cao đối với chi phí lưu kho, chi phí điện duy trì (nhất là kho lạnh để bảo quản nông sản) và vốn tồn ứ đọng hàng hóa.

- *Hệ thống logistic kho lạnh phục vụ bảo quản nông sản còn hạn chế:* Cả nước hiện có 48 kho lạnh làm dịch vụ bảo quản nông thủy sản với công suất khoảng 700.000 palet và hàng nghìn kho lạnh với tổng công suất bảo quản ước đạt 2 triệu tấn sản phẩm phục vụ cho một số thị trường nhất định (chủ yếu là xuất khẩu). Tuy nhiên, với số lượng kho lạnh hiện nay còn chưa đáp ứng được nhu cầu bảo quản nông sản, thủy sản phục vụ nhu cầu bảo quản tươi và chế biến xuất khẩu, nhất là khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

- *Tình hình giao thương, thông quan hàng hóa nông sản tại các cửa khẩu biên giới* cho đến thời điểm hiện tại vẫn diễn ra bình thường; trường hợp nếu dịch bệnh nguy cơ cao thì tốc độ thông quan sẽ chậm do phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định phòng dịch.

- *Thiếu hụt nguồn cung về nguyên liệu đầu vào cho sản xuất* vì hạn chế về vận chuyển; một số dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bị đình trệ do phải chờ thiết bị ngoại nhập, tư vấn nước ngoài hỗ trợ kỹ thuật.

- *Cơ chế vận hành kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ cần thông suốt, liên tục:* Tình trạng dư cung hoặc giá giảm sâu đối với một số nông sản vụ đông trong giai đoạn dịch bệnh vừa qua tại một số địa phương là bài học kinh nghiệm để hoàn thiện cơ chế vận hành kết nối địa phương với địa phương nhằm tạo ra chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ ổn định và chủ động.

IV. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Trước những thách thức kép hiện nay của khu vực nông nghiệp, đó là: (i) đối phó với tác động biến thể mới của dịch Covid-19; (ii) thời tiết nắng nóng diễn biến bất thường khắc nghiệt, dịch bệnh trong chăn nuôi, cây trồng diễn ra với những nguy cơ cao, rủi ro kinh tế - xã hội lớn trong bối cảnh phải đạt mục tiêu kép mà Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao, Bộ Nông nghiệp và PTNT kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành trung ương, các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp triển khai đồng bộ một số giải pháp, cụ thể như sau:

1. Tổ chức sản xuất nông nghiệp, chú trọng chế biến, bảo quản để linh hoạt thích ứng với bối cảnh dịch bệnh

- Rà soát kỹ lưỡng tổ chức sản xuất nông nghiệp, quy mô, sản lượng đối với các đối tượng cây trồng vật nuôi, nhất là các sản phẩm nông sản có tính chất mùa vụ trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, trước mắt tổ chức tốt vụ vải, nhãn trong Quý II/2021.

- Các nhà máy chế biến nông sản tăng cường công suất tập trung phân khúc hàng khô, sơ chế, sản phẩm cấp đông, nước quả cô đặc, trái cây ép đóng lon, thủy sản đồ hộp chế biến, gạo, gia cầm chế biến... để chuẩn bị tốt nhất phương án hậu dịch Covid-19 cho thị trường Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ.

2. Hỗ trợ chính sách thuế, tín dụng cho khu vực sản xuất, chế biến bảo quản và xuất khẩu nông sản

Khu vực sản xuất, chế biến bảo quản nông sản xuất khẩu cần đặc biệt quan tâm trong thời điểm trước mắt và trung hạn, đòi hỏi chi phí rất lớn, tính rủi ro cao trong hoàn cảnh cụ thể, kéo dài gấp 2-3 lần khoảng thời gian cần thiết cùng với việc nguy cơ phá vỡ một loạt các hợp đồng kê cả các hợp đồng đã ký kết thực hiện, do vậy Bộ Nông nghiệp và PTNT kiến nghị:

- **Ngân hàng Nhà nước:** (i) Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả các gói tín dụng đặc thù đối phó Covid-19 trong đó có thiết kế chính sách hỗ trợ riêng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân, thực hiện cơ cấu lại nợ (khoanh nợ, dẫn nợ, miễn giảm lãi vay), tiếp tục cho vay mới với lãi suất ưu đãi cho người dân, doanh nghiệp để phục hồi sản xuất, kinh doanh thuộc diện chịu ảnh hưởng của dịch; (ii) Triển khai chính sách ưu đãi lãi vay đối với các doanh nghiệp logistics, chế biến bảo quản nông sản để kịp thời hỗ trợ các dịch vụ hậu cần, lưu thông, kho lạnh, bảo quản hàng hóa nông lâm thủy sản trong suốt thời gian chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- **Bộ Tài chính:** (i) Triển khai nhanh chóng những giải pháp gia hạn tiền thuế, tiền thuê đất cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; sản xuất, chế biến thực phẩm, triển khai đi vào thực tiễn; (ii) Miễn thuế, miễn tiền thuê bến bãi, tiền điện, dịch vụ kho lạnh, bảo quản... cho các doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; hỗ trợ giảm lãi suất cho doanh nghiệp xuất khẩu nông sản; (iii) Xem xét giảm thuế tạm thời trong thời gian ngắn hạn đối với ngô, lúa mỳ, kho dầu đậu tương; giảm các mức chi phí logistic với nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu.

3. Tập trung giải quyết khó khăn, thuận lợi hóa thông quan, hạ tầng logistic

- **Thành lập Tổ công tác liên ngành:** Bộ Công thương phối hợp Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng cục Hải quan thành lập Tổ công tác liên ngành tăng cường kiểm tra, kịp thời tham mưu Lãnh đạo hai Bộ tháo gỡ khó khăn cho các địa phương, doanh nghiệp, thúc đẩy tiêu thụ nông sản; phối hợp UBND các tỉnh biên giới chỉ đạo các trạm kiểm dịch, hải quan tăng cường các biện pháp hỗ trợ hoạt động thương mại biên giới, tạo thuận lợi thủ tục thông quan, không để ứ đọng hàng hóa trên các tỉnh biên giới với Trung Quốc;

- **Tăng cường quản lý nhà nước về thương mại, quản lý thị trường, lưu thông, cung ứng hàng hóa:** Bộ Công thương kiên quyết xử lý các hành vi trục lợi, ép giá, gian lận thương mại, gây tâm lý hoang mang cho người sản xuất và tiêu dùng; hướng dẫn các địa phương cân đối cung cầu hàng hóa, tránh đưa hàng hóa nhiều lên các tỉnh biên giới tạo ùn tắc, ứ đọng hàng hóa.

- **Về hạ tầng logistic:** (i) Bộ Công Thương phối hợp Hiệp hội các doanh nghiệp dịch vụ logistic Việt Nam rà soát tổng thể năng lực lưu kho, bảo quản của hệ thống kho lạnh, container phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản; có chính sách giá điện ưu đãi áp dụng cho vận hành kho lạnh; (ii) Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính có chính sách hỗ trợ phí, cước vận chuyển đường hàng không và đường biển đối với các thị trường trọng điểm (Hoa Kỳ,

Châu Âu, Trung Đông) để tăng năng lực cạnh tranh và giảm chi phí giá thành cho doanh nghiệp.

4. Thúc đẩy toàn diện tiêu thụ trong nước

- **Bộ Công Thương** chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và PTNT chuẩn bị đa dạng các biện pháp phân phối hàng hóa, kích cầu tiêu dùng trong nước để chuẩn bị cho các vụ thu hoạch rau, củ, quả, vận động mạnh mẽ phong trào Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, trong đó có sản phẩm nông sản; Hỗ trợ phân phối sản phẩm trên thị trường online trực tuyến, đẩy mạnh hỗ trợ dịch vụ nhận hàng mua, bán sản phẩm và lưu thông sản phẩm với chi phí tối thiểu.

- **Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:** (i) Tiếp tục thực hiện quyết liệt các Công điện chỉ đạo của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo của các bộ ngành trung ương trong việc phòng chống dịch bệnh; (ii) Thông tin kịp thời về tình hình sản xuất, lưu thông nông sản tại địa phương để chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo nhu cầu thị trường tiêu thụ; (iii) Áp dụng nhanh chóng các chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản lạnh, hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp và sử dụng hiệu quả các cơ sở bảo quản lạnh trên địa bàn để sử dụng khi nông sản tiêu thụ khó khăn; (iv) Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành nhằm đảm bảo thông suốt trong lưu thông vật tư nông nghiệp và nông sản trong thời gian cách ly, ứng phó dịch bệnh.

- **Các Hiệp hội ngành hàng nông sản:** (i) Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Công Thương tập trung thúc đẩy tiêu thụ nội địa; (ii) Phát triển và nhân rộng các hình thức liên kết sản xuất tiêu thụ giúp ổn định giá cả và đầu ra cho bà con nông dân; (iii) Ứng dụng và đẩy mạnh phát triển các hình thức tiêu thụ nông sản thông qua các loại hình phân phối bán lẻ online; (iv) Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông sản khác nhau có lợi thế bên cạnh thị trường truyền thống.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xin ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: VPCP; KHĐT; Công thương; KHCN; NHNN; Tài chính (p/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh thành phố;
- Sở NN&PTNT các tỉnh thành phố và các Chi cục trực thuộc;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các hiệp hội ngành hàng liên quan;
- Lưu: VT, VP, CBTTNS.

**K/T. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam